ABBANK

ĐIỀU LỆ
NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình là Ngân hàng thương mại cổ phần (sau đây gọi tắt là Ngân hàng An Bình) được thực hiện tất cả các hoạt động Ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo qui định của Pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này, các qui định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các qui định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều lệ này đã cập nhật những nội dung sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng An Bình thông qua tại phiên họp thường niên ngày 12 tháng 06 năm 2020.

CHƯƠNG I
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

a.	"Địa bàn kinh doanh":	là phạm vi địa lý được ghi trong giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mà tại đó Ngân hàng An Bình được thiết lập địa điểm hoạt động theo qui định của pháp luật.
b.	"Vốn điều lệ":	là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán của Ngân hàng An Bình.
c.	"Cổ tức":	là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Ngân hàng An Bình sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
d.	"Luật Doanh nghiệp":	là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
e.	"Ngày thành lập":	là ngày mà Ngân hàng An Bình được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động.
f.	"Pháp luật":	là hệ thống những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung trong qua các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm các hình thức văn bản như Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư.
g.	"Luật Các tổ chức tín dụng":	là Luật Các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2017.
h.	"Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam":	là Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 06 năm 2010.
i.	"Vốn pháp định":	là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của luật pháp để thành lập Ngân hàng An Bình.
j.	"Vốn tự có"	gồm giá trị thực của vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình và các quỹ dự trữ, một số tài sản nợ khác theo

quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

k.	"Cổ đông lớn":	là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng An Bình.
l.	"Người điều hành":	Bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương của Ngân hàng An Bình được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm làm Người Điều Hành của Ngân hàng An Bình.
m.	"Người quản lý Ngân hàng":	bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác do Điều lệ Ngân hàng An Bình quy định.
n.	"Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị":	là thành viên Hội đồng Quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại **Điều 43** Điều lệ này.
o.	"NHNN":	có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
p.	"Cổ phần":	là vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.
q.	Mức sở hữu cổ phần trọng yếu":	là việc cổ đông sở hữu mức cổ phần chiếm từ 5% (năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng An Bình.
r.	"Cổ phiếu":	là chứng chỉ do Ngân hàng An Bình phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu 01 (một) hoặc một số cổ phần của Ngân hàng An Bình. Cổ phiếu của Ngân hàng An Bình là cổ phiếu ghi tên.
s.	"Cổ đông":	là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần đã phát hành của Ngân hàng An Bình.
t.	"Cổ đông sáng lập":	là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập và/hoặc trên bản Điều lệ đầu tiên của Ngân hàng An Bình.
u.	"Sổ đăng ký cổ đông:	là một tài liệu bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo qui định của pháp luật.
v.	"Người có liên quan":	là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với một tổ chức, cá nhân khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

v.1 Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; Ngân hàng An Bình với công ty con của Ngân hàng An Bình và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng Ngân hàng An Bình với nhau; người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty mẹ hoặc của Ngân hàng An Bình, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty

con và ngược lại;

v.2 Ngân hàng An Bình với người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng An Bình hoặc người, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

v.3 Ngân hàng An Bình đối với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Ngân hàng An Bình và ngược lại;

v.4 Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;

v.5 Ngân hàng An Bình với cá nhân (theo quy định tại Điểm v.4 khoản này) của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng An Bình và ngược lại;

v.6 Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm v.1, v.2, v.3, v.4 và v.5 khoản này đối với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được uỷ quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.

v.7 Các quan hệ khác giữa tổ chức, cá nhân mà pháp luật xác định là quan hệ của người có liên quan.

v.8 Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của Ngân hàng An Bình được xác định theo quy định nội bộ của Ngân hàng An Bình hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể.

aa. "Can thiệp sớm": là việc NHNN yêu cầu Ngân hàng An Bình khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều 130a của Luật Các tổ chức tín dụng.

bb. "Kiểm soát đặc biệt": là việc đặt Ngân hàng An Bình dưới sự kiểm soát trực tiếp của NHNN theo quy định tại Điều 93 của Điều lệ này.

cc. "Phương án chuyển giao bắt buộc": là phương án chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của Ngân hàng An Bình được kiểm soát đặc biệt phải chuyển giao toàn bộ cổ phần, phần vốn góp cho bên nhận chuyển giao.

w. "Công ty con của Ngân hàng An Bình" là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:

w.1 Ngân hàng An Bình hoặc Ngân hàng An Bình và người có liên quan của Ngân hàng An

Bình sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết;

w.2 Ngân hàng An Bình có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty con;

w.3 Ngân hàng An Bình có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con;

w.4 Ngân hàng An Bình và người có liên quan của Ngân hàng An Bình trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.

x. "Công ty liên kết của Ngân hàng An Bình" là công ty trong đó Ngân hàng An Bình hoặc Ngân hàng An Bình và người có liên quan của Ngân hàng An Bình sở hữu trên 11% (mười một phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 11% (mười một phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Ngân hàng An Bình.

y. "Thời hạn hoạt động": là thời gian Ngân hàng An Bình được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo qui định của Pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Ngân hàng An Bình có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và được NHNN chấp thuận.

z. "Việt Nam": có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ qui định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế chúng. Trường hợp do thay đổi quy định của pháp luật hay vì bất kỳ lý do nào mà quy định của Điều lệ này khác với quy định có hiệu lực bắt buộc áp dụng của pháp luật về cùng một nội dung cụ thể thì quy định của pháp luật có liên quan đến vấn đề cụ thể đó đương nhiên được áp dụng. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG AN BÌNH

Điều 2: Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động của Ngân hàng An Bình

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình, dưới đây được gọi là Ngân hàng An Bình, được phép hoạt động theo giấy phép thành lập và hoạt động *số 0031/NH-GP ngày 15 tháng 4 năm 1993 đã được Thống đốc NHNN cấp đổi Giấy phép số 120/GP-NHNN ngày 12 tháng 12 năm 2018* và có:

1. Tư cách pháp nhân theo qui định của Pháp luật Việt Nam; *có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.*

2. Tên của Ngân hàng là:

   Tên đầy đủ tiếng Việt : **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH**
   Tên tắt tiếng Việt : **NGÂN HÀNG AN BÌNH**
   Tên đầy đủ tiếng Anh : **AN BINH COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**
   Tên tắt tiếng Anh : **ABBANK**

3. *Trụ sở chính đặt tại: Tầng 1, 2, 3 Tòa nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.*[1]

4. Điện thoại : *(84-24) 37 612 888*
   Fax : *(84-24) 35 190 416*
   Email : info@abbank.vn
   Trang web : www.abbank.vn [2]

5. Vốn điều lệ: *5.713.113.550.000 đồng (năm ngàn bảy trăm mười ba tỷ, một trăm mười ba triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng)*[3]

6. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN và các Ngân hàng trong nước theo qui định của NHNN. Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu (bao gồm con dấu của Ngân hàng và các đơn vị trực thuộc) thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng con dấu do Hội đồng Quản trị ban hành trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Bảng cân đối tài sản và các quỹ theo qui định của Pháp luật.

8. Thời hạn hoạt động là 99 (chín mươi chín) năm, kể từ ngày được cấp phép thành lập và hoạt động.

[1] Đã được cập nhật thông tin thay đổi địa chỉ trụ sở chính theo Quyết định số 2575/QĐ-NHNN ngày 13/12/2019 của NHNN sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động ABBANK
[2] (Xem Footnote #1)
[3] Đã cập nhật sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để chia cổ tức bằng cổ phiếu 7,4% cho cổ đông ngày 10/7/2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và được Ngân hàng Nhà nước cấp phép sửa đổi theo Quyết định số 2137/QĐ-NHNN ngày 16/10/2019.

CHƯƠNG III
MỤC TIÊU CỦA NGÂN HÀNG AN BÌNH, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 3: *Lĩnh vực hoạt động và* mục tiêu của Ngân hàng An Bình

1. Ngân hàng An Bình thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của NHNN, gồm các hoạt động sau đây:
   a) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
   b) Cấp tín dụng dưới các hình thức cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; bảo lãnh ngân hàng; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước;
   c) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
   d) Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: Cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
   e) Mở tài khoản tại NHNN và tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
   f) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
   g) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
   h) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
   i) Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
   j) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
   k) Dịch vụ môi giới tiền tệ;
   l) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN;
   m) Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của NHNN;
   n) Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN;
   o) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN;
   p) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN;
   q) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định;
   r) Lưu ký chứng khoán;
   s) Ví điện tử;
   t) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
   u) Mua nợ.

2. Mục tiêu của Ngân hàng An Bình là:
   Xây dựng một Ngân hàng tập trung vào lĩnh vực bán lẻ và phát triển bền vững nhằm cung cấp sản phẩm và dịch vụ Ngân hàng chất lượng cao cho khách hàng và tìm kiếm lợi nhuận cho các cổ đông; tạo uy tín, hình ảnh tốt, tính văn hóa, tính chuyên nghiệp của một định chế tài chính; đào tạo một đội ngũ chuyên gia và nhân viên Ngân hàng tinh thông nghiệp vụ, có tư cách đạo đức và thái độ phục vụ tận tụy; liên kết hỗ trợ với các Ngân hàng khác để cùng tăng uy tín, lành mạnh hóa hệ thống Ngân hàng cổ phần tại Việt Nam từ đó thiết lập chỗ đứng vững chắc trong thị trường nội địa để tăng sức cạnh tranh; góp phần vào việc xây dựng cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hỗ trợ áp dụng kinh tế tri thức vào mọi lĩnh vực, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước và thúc đẩy kinh tế Việt Nam tăng trưởng.

Điều 4: Huy động vốn

Ngân hàng An Bình huy động vốn dưới các hình thức sau:

1. Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm VND đảm bảo giá trị theo giá USD, tiền gửi tiết kiệm VND đảm bảo giá trị theo giá vàng, chứng chỉ tiền gửi và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài.
3. Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
4. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
5. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNN.
6. [Bãi bỏ]
7. Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của NHNN.

Điều 5: Cung ứng dịch vụ ngoại hối

Ngân hàng An Bình được kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định.

Điều 6: Hoạt động tín dụng

1. Ngân hàng An Bình cấp tín dụng cho các tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; bảo lãnh các loại; Phát hành thẻ tín dụng; Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế; và các hình thức khác theo quy định của NHNN.
2. Ngân hàng An Bình không được cấp tín dụng để góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng.

3. Việc cấp tín dụng của Ngân hàng An Bình bao gồm cả hoạt động mua, đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp thực hiện theo Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN.

Điều 7: Các hình thức cho vay

1. Cho vay ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống.
2. Tùy theo khả năng nguồn vốn và qui định của NHNN, cho vay trung hạn và dài hạn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống.

Điều 8: Xét duyệt cho vay, kiểm tra và xử lý

1. Ngân hàng An Bình được quyền yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn hợp pháp, biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi quyết định cấp tín dụng; có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng.
2. Ngân hàng An Bình phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.
3. Ngân hàng An Bình có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng; có quyền yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn.
4. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì Ngân hàng An Bình có quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay của khách hàng vay, tài sản của người bảo lãnh trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để thu hồi nợ theo theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật; khởi kiện khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng và người bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định của Pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của Ngân hàng An Bình thực hiện theo quy định của NHNN.
5. Trong trường hợp khách hàng vay hoặc người bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.
6. Ngân hàng An Bình được miễn, giảm lãi cho vay, phí Ngân hàng; gia hạn nợ; mua bán nợ theo quy định nội bộ của ngân hàng An Bình.

Điều 9: Bảo lãnh và thực hiện hoạt động kinh doanh trái phiếu

1. **Bảo lãnh Ngân hàng:**

Ngân hàng An Bình được bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu và các hình thức bảo lãnh Ngân hàng khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của NHNN.

2. **Kinh doanh trái phiếu**: Bao gồm các hoạt động mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 10: Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác.

1. Ngân hàng An Bình được cấp tín dụng dưới hình thức Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác.
2. Ngân hàng An Bình được cấp tín dụng dưới hình thức cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác theo qui định pháp luật hiện hành. Ngân hàng An Bình được thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp phát sinh trong trường hợp chủ sở hữu các giấy tờ đó không thực hiện đầy đủ những cam kết trong hợp đồng tín dụng.
3. Ngân hàng An Bình được tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác đối với các tổ chức tín dụng khác theo qui định pháp luật hiện hành.
4. Ngân hàng An Bình có thể được NHNN tái cấp vốn theo các hình thức Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá; Chiết khấu giấy tờ có giá; Các hình thức tái cấp vốn khác.

Điều 11: Công ty cho thuê tài chính

Ngân hàng An Bình phải thành lập Công ty cho thuê tài chính hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết khi hoạt động cho thuê tài chính đối với tổ chức, cá nhân.

Điều 12: Mở tài khoản

1. Ngân hàng An Bình phải mở tài khoản tiền gửi tại NHNN TP Hồ Chí Minh và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN.
2. Chi nhánh của Ngân hàng An Bình mở tài khoản tiền gửi tại chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của chi nhánh.
3. Ngân hàng An Bình được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác.
4. Ngân hàng An Bình được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 13: Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

1. Ngân hàng An Bình thực hiện các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:
   a) Cung ứng các phương tiện thanh toán.
   b) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng

c) Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.

d) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế.

e) Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác sau khi được NHNN chấp thuận.

f) Thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng.

2. Ngân hàng An Bình tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên Ngân hàng trong nước, tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận.

Điều 14: Các hoạt động khác

Ngân hàng An Bình thực hiện các hoạt động khác sau đây:

1. Dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và của các tổ chức tín dụng khác trong nước theo quy định của Pháp luật.
2. Ngân hàng An Bình phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
   a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
   b) Cho thuê tài chính;
   c) Bảo hiểm.
3. Ngân hàng An Bình được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. Ngân hàng An Bình được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
   a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
   b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.
5. Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và việc góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng An Bình theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của NHNN. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận theo quy định của NHNN.

   Điều kiện, thủ tục và trình tự thành lập công ty con, công ty liên kết của ngân hàng An Bình thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
6. Tham gia thị trường tiền tệ (tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc , mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ) theo quy định của NHNN. Tham gia nghiệp vụ thị trường mở do NHNN thực hiện.

7. Được quyền ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động Ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNN kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác, đại lý.
8. Được thành lập công ty trực thuộc hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của Pháp luật.
9. Cung ứng các dịch vụ:
   a) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
   b) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
   c) Dịch vụ môi giới tiền tệ.
   d) Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
10. Đấu thầu tại các trung tâm giao dịch chứng khoán.
11. Tiếp nhận ngoại tệ từ nước ngoài và chi trả kiều hối.
12. Kinh doanh và thu đổi ngoại tệ.
13. Kinh doanh dịch vụ cầm đồ.
14. Phát hành thẻ thanh toán và thẻ ghi nợ nội địa, xác nhận đăng ký các loại thẻ Ngân hàng cho tổ chức phát hành thẻ.
15. Ngân hàng An Bình, công ty con của ngân hàng An Bình được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của NHNN.
16. Ngân hàng An Bình được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động không quá 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng.

<u>Điều 15:</u> Kinh doanh bất động sản

Ngân hàng An Bình không được phép trực tiếp kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng An Bình;
2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của ngân hàng An Bình;
3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, ngân hàng An Bình phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định tại khoản 16 điều 14 của Điều lệ này.

Điều 16: Tỷ lệ an toàn

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng An Bình phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại điều 130, Chương VI của Luật Các tổ chức tín dụng và theo quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản "Có" và trích lập dự phòng rủi ro để xử lý các rủi ro trong hoạt động Ngân hàng theo qui định của Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV
VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG AN BÌNH

Điều 17: Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).
2. Ngân hàng An Bình phải đảm bảo mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của Pháp luật.
3. Ngân hàng An Bình không được sử dụng vốn điều lệ và các quỹ để mua cổ phần, góp vốn với các cổ đông của chính Ngân hàng.
4. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích:
   a) Mua, đầu tư vào tài sản cố định của Ngân hàng không quá tỉ lệ qui định của NHNN.
   b) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của NHNN.
   c) Thành lập công ty trực thuộc theo quy định của Pháp luật.
   d) Cho vay.
   e) Kinh doanh các dịch vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 18: Thay đổi vốn điều lệ

1. Việc thay đổi vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn điều lệ.
2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo qui định của NHNN.
3. Sau khi đã thay đổi mức vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của NHNN, Ngân hàng An Bình phải sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với thay đổi đã được chấp thuận; đăng ký với cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền về mức vốn điều lệ mới và gửi văn bản của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền xác nhận số vốn điều lệ đã được đăng ký (bản sao có xác nhận của cơ quan Công chứng Nhà Nước) cho NHNN và phải công bố nội dung thay đổi trên các phương tiện thông tin của NHNN và một tờ báo viết hằng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được NHNN chấp thuận.
4. Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn theo các yêu cầu quy định của NHNN và Điều lệ của Ngân hàng An Bình.

Điều 19: Tăng vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Ngân hàng có thể được tăng từ các nguồn sau:

a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ thặng dư vốn cổ phần; Lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;

b) Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;

c) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;

d) Vốn do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm;

e) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện để được tăng vốn điều lệ:

a) Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ.

b) Phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, trong đó phải nêu được tối thiểu các nội dung sau đây:

- Nhu cầu thay đổi mức vốn điều lệ (nêu rõ việc sử dụng vốn đối với mỗi nhu cầu tương ứng);
- Dự kiến kế hoạch hoạt động kinh doanh sau khi thay đổi vốn điều lệ, trong đó nêu rõ các chỉ tiêu, gồm: mức (số tuyệt đối và tỷ trọng) tăng trưởng tổng tài sản, tín dụng, huy động tiền gửi của khách hàng; tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác; các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng; tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA);
- Kế hoạch tăng vốn điều lệ phải nêu được tối thiểu các nội dung sau đây:

(i) Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm; Các nguồn dùng để tăng vốn điều lệ;

(ii) Trường hợp tăng vốn từ nguồn chào bán cổ phiếu ra công chúng hoặc phát hành cổ phiếu riêng lẻ:

- Các đợt dự kiến phát hành trong năm;
- Phương án phát hành cho từng đợt, bao gồm các nội dung: loại cổ phần phát hành, các loại đối tượng được mua; giá chào bán cho từng loại đối tượng (trường hợp chưa xác định được thì ghi là chưa xác định, nhưng giá chào bán cổ phần phải phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp), thời điểm phát hành, và các điều kiện liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của từng loại đối tượng (nếu có);

(iii) Trường hợp tăng vốn từ việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông:

- Các thông tin về việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, bao gồm: tổng giá trị trái phiếu phát hành, các đợt phát hành, kỳ hạn trái phiếu, lãi suất trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, đối tượng phát hành, kế hoạch chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu;
- Các thông tin về đề nghị chuyển đổi trái phiếu, bao gồm: tổng giá trị trái phiếu đã được chuyển đổi thành cổ phiếu tại các kỳ trước và thời điểm chuyển đổi (nếu có), tổng giá trị trái phiếu được đề nghị chuyển đổi kỳ này, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thời điểm chuyển đổi.

(iii) Dự kiến thay đổi về cơ cấu và tỷ lệ vốn cổ phần của các cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu, cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng sau mỗi đợt thay đổi mức vốn điều lệ (nếu có).

Điều 20: Giảm vốn điều lệ

1. Việc mua lại cổ phần của chính Ngân hàng An Bình phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện nếu dẫn đến giảm vốn điều lệ.
2. Điều kiện để Ngân hàng được mua lại cổ phần:
   a) Các điều kiện theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp; Luật Các tổ chức tín dụng.
   b) Kinh doanh liên tục có lãi trong hai năm liền kề năm đề nghị mua lại cổ phần và không có lỗ lũy kế;
   c) Không bị NHNN xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động Ngân hàng trong 02 (hai) năm gần nhất đến thời điểm đề nghị NHNN chấp thuận việc mua lại cổ phần.
3. Ngân hàng chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định.

Điều 21: Vốn hoạt động của Ngân hàng An Bình gồm các nguồn sau:

1. Vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình;
2. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỉ giá;
3. Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi;
4. Vốn huy động theo các hình thức qui định tại Điều 4 của Điều lệ này;
5. Lợi nhuận được để lại chưa phân bổ;
6. Vốn tài trợ, vốn ủy thác đầu tư để cho vay theo các chương trình, dự án có mục tiêu riêng của Chính phủ giao; vốn tài trợ và ủy thác của các tổ chức quốc tế và các tổ chức khác.
7. Các loại vốn khác theo qui định của Pháp luật.

Điều 22: Những quy trình, chính sách cần thiết trong quá trình hoạt động

Để đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động Ngân hàng, Ngân hàng An Bình cần phải xây dựng và triển khai các quy trình, chính sách sau đây:

1. Quy trình quản lý hoạt động đầu tư, mua lại và kiểm soát các khoản đầu tư lớn;
2. Quy trình cấp tín dụng nhằm duy trì hệ thống quản trị tín dụng phù hợp;
3. Duy trì hệ thống thông tin hỗ trợ cho quy trình kiểm soát những khoản vay lớn;
4. Thiết lập và tuân thủ các chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro;
5. Chính sách đánh giá chất lượng tài sản có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;
6. Chính sách và quy trình đầy đủ để nhận biết, giám sát và quản lý rủi ro quốc gia và rủi ro chuyển đổi trong hoạt động cho vay và đầu tư quốc tế (đối với những Ngân hàng có hoạt động cho vay và đầu tư nước ngoài);
7. Hệ thống cho phép đo lường, giám sát và kiểm soát toàn diện rủi ro;
8. Quy định về hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ
9. Quy định về quản trị rủi ro trong hoạt động của ngân hàng An Bình
10. Chính sách quản lý thanh khoản, trong đó trình bày rõ các thủ tục và các giới hạn quản lý thanh khoản;
11. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ phù hợp với tính chất và quy mô hoạt động của Ngân hàng;
12. Chính sách và thủ tục phù hợp, bao gồm cả nguyên tắc "Nhận biết khách hàng" để đảm bảo các chuẩn mực về đạo đức và chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngăn ngừa việc Ngân hàng bị sử dụng cho các mục đích tội phạm dù vô tình hay hữu ý;
13. Quy định về phương án xử lý các trường hợp khẩn cấp.
14. Quy định về mua Trái phiếu doanh nghiệp.
15. Các quy trình, chính sách khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và thông lệ quốc tế.

CHƯƠNG V
CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 23: Cổ phần, Cổ đông

1. Ngân hàng An Bình phải có ít nhất 100 (một trăm) cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp Ngân hàng An Bình được kiểm soát đặc biệt đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc theo quy định tại Mục 1đ Chương VIII của Luật Các tổ chức tín dụng. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của Ngân hàng An Bình với điều kiện, thủ tục, tỷ lệ theo quy định của chính phủ.
2. Các loại cổ phần, cổ đông:

   Cổ phần của Ngân hàng An Bình là cổ phần phổ thông ghi danh. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.
3. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này, cổ phần, trái phiếu của Ngân hàng An Bình được mua bằng tiền Việt Nam và phải thanh toán đủ 01 (một) lần.
4. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng An Bình và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo qui định tại Điều 36, Điều 37 Luật Doanh Nghiệp và các qui định của Pháp luật có liên quan.
5. Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình quyết định giá chào bán cổ phần theo qui định của pháp luật. Mệnh giá cổ phần của Ngân hàng An Bình là 10.000 đồng (mười ngàn đồng) một cổ phần. Việc phát hành cổ phần qua chào bán riêng lẻ hoặc chào bán ra công chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 24: Giới hạn sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình.
2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình , trừ các trường hợp sau đây:

   a) Sở hữu tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sở hữu cổ phần của Ngân hàng An Bình tại công ty con, công ty liên kết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 103;

   b) Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;

   c) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình trừ trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này.
4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.
5. Tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài tại Ngân hàng An Bình thực hiện theo quy định của Chính phủ.
6. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.
7. Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép, các cổ đông sáng lập phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ của tổ chức tín dụng; các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ.

Điều 25: Cổ phiếu

1. Cổ phiếu của Ngân hàng An Bình là chứng chỉ do Ngân hàng An Bình phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu 01 (một) hoặc một số cổ phần của Ngân hàng An Bình. Cổ phiếu của Ngân hàng An Bình là cổ phiếu có ghi tên. Cổ phiếu Ngân hàng An Bình phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a) Tên, trụ sở chính của Ngân hàng An Bình;
   b) Số và ngày cấp giấy phép thành lập và hoạt động;
   c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
   d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
   e) Họ tên cổ đông; địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
   f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;
   g) Chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Ngân hàng An Bình;
   h) Số đăng ký tại Sổ đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Ngân hàng An Bình phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Ngân hàng An Bình.
3. Mỗi cổ đông sẽ được Ngân hàng An Bình cấp cổ phiếu để ghi nhận số vốn góp.
4. Mỗi cổ phiếu được cấp phát không được ghi nhận nhiều loại cổ phần.
5. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, ngân hàng An Bình phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày

cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua đối với ngân hàng khi ngân hàng tăng vốn điều lệ.

6. Theo các qui định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào, sẽ được cấp miễn phí một giấy chứng nhận sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng 30 (ba mươi) ngày (hoặc thời hạn lâu hơn theo qui định của điều khoản phát hành hoặc của Hội đồng Quản trị về việc chuyển nhượng). Các cổ phần do thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, các cổ đông lớn và cổ đông nước ngoài sở hữu phải được đăng ký.
7. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần đã đăng ký được ghi nhận trong một chứng chỉ cổ phiếu thì chứng chỉ cổ phiếu cũ sẽ bị thu hồi và hủy bỏ và chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
8. Ngân hàng An Bình có thể quản lý chứng chỉ cổ phiếu hộ cổ đông hoặc cấp chứng chỉ cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, rách, cháy, hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải có văn bản báo ngay và đề nghị Ngân hàng cấp lại chứng chỉ cổ phiếu và phải trả phí theo qui định của Ngân hàng An Bình.
9. Cổ phiếu của Ngân hàng An Bình phát hành không được sử dụng để cầm cố tại chính Ngân hàng An Bình.
10. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Ngân hàng An Bình đăng ký với cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền về mức vốn điều lệ mới, Ngân hàng An Bình phải phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông.

<u>Điều 26:</u> Chuyển nhượng cổ phần

Việc chào bán và chuyển nhượng cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Điều 122; các khoản 1, 3, 4, 5 Điều 124; Điều 125; Điều 126 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

1. Cổ phần của cổ đông được coi là đã chuyển nhượng khi các thông tin qui định trong Điều 25 của Điều lệ này được ghi đầy đủ trong Sổ đăng ký cổ đông.
2. Việc chuyển quyền sở hữu cổ phần được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường khi cổ phần Ngân hàng An Bình chưa được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán. Giấy tờ chuyển quyền sở hữu phải được bên chuyển quyền sở hữu và bên nhận chuyển quyền sở hữu hoặc đại diện hợp pháp của họ ký. Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình quy định cách thức, hồ sơ, thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phần trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

   Trường hợp cổ phần Ngân hàng An Bình được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển quyền sở hữu và việc ghi nhận sở hữu cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được Thống đốc NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:

   a) Mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn;

b) Mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn thành cổ đông thường và ngược lại.

4. Cổ đông cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

5. Trong thời gian đang xử lý các hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN do trách nhiệm cá nhân, các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp các thành viên này:

   a) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;

   b) Bị bắt buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án.

   c) Chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Việc chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng An Bình khi đã niêm yết được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép, cổ đông sáng lập chỉ được phép chuyển nhượng cổ phần cho các cổ đông sáng lập khác với điều kiện bảo đảm các tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 55 của Luật Luật Các tổ chức tín dụng.

8. Ngân hàng An Bình chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định; trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của ngân hàng An Bình thì phải được NHNN chấp thuận trước bằng văn bản.

9. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Ngân hàng An Bình.

CHƯƠNG VI
CƠ CẤU
VÀ CƠ CHẾ THAM GIA QUYẾT ĐỊNH

Điều 27: Cơ cấu

Cơ cấu của Ngân hàng An Bình bao gồm:

1. Đại hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc.

CHƯƠNG VII
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 28: Sổ đăng ký cổ đông

1. Ngân hàng phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:
   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
   b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
   c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
   d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
   e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng An Bình hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam khi cổ phần Ngân hàng An Bình được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngân hàng An Bình thực hiện nghĩa vụ báo cáo cho NHNN về danh sách cổ đông, cập nhật thay đổi số cổ phần sở hữu của cổ đông và các thông tin liên quan khác theo quy định của NHNN.
3. Xác lập danh sách cổ đông:
   a) Ngân hàng quy định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các cổ đông được hưởng các quyền của cổ đông và phải đảm bảo cổ đông có đủ thời gian để đăng ký những thay đổi về bản thân và số cổ đông mà mình sở hữu với Ngân hàng trước thời điểm nói trên;
   b) Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt danh sách cổ đông đến ngày quyền của cổ đông được thực hiện, người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền của cổ đông.
4. [Bãi bỏ]

Điều 29: Quyền hạn của cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Ngân hàng và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần mà họ sở hữu.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
   a) Các quyền theo quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g khoản 1 Điều 114 Luật Doanh nghiệp;

b) Được chuyển nhượng cổ phần hoặc bán lại cổ phần cho Ngân hàng An Bình theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, pháp luật khác có liên quan và Điều lệ này;

c) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông đồng ý.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.

4. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật Doanh nghiệp nhưng danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng Quản trị theo thời hạn do Hội đồng Quản trị quy định.

5. Cổ đông ưu đãi biểu quyết có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Doanh nghiệp.

6. Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 117 Luật Doanh nghiệp.

<u>Điều 30:</u> Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Cổ đông của Ngân hàng An Bình phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

a) Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi số vốn đã góp vào Ngân hàng;

b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp được Ngân hàng hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Ngân hàng An Bình phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do Ngân hàng cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

e) [Bãi bỏ]

f) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh ngân hàng An Bình dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; nếu không

cung cấp thông tin cho Ngân hàng, trong trường hợp Ngân hàng phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, Ngân hàng có quyền đình chỉ các quyền cổ đông liên quan đến số cổ phần không công khai chủ sở hữu thực sự.

Điều 31: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;

b) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng An Bình;

c) Phê chuẩn quy định nội bộ về tổ chức hoạt động, chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;

d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này;

e) Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hàng năm đối với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;

f) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng An Bình và cổ đông của Ngân hàng An Bình;

g) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của ngân hàng An Bình;

h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

i) Quyết định việc mua lại cổ phần đã bán theo quy định pháp luật và điều lệ Ngân hàng An Bình;

j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;

k) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng An Bình;

l) Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao;

m) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của ngân hàng An Bình ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

n) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của ngân hàng An Bình có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của ngân hàng An Bình ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng An Bình;

o) Quyết định các hợp đồng giao dịch của Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn Luật này với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn; công ty con, công ty liên kết của ngân hàng An Bình có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc

một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trong trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;

p) Quyết định thành lập công ty con;

q) Quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;

r) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng An Bình;

s) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này.

2. Đại hội đồng Cổ đông phải thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp của Đại hội đồng Cổ đông.

3. Các nội dung khác liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp.

<u>Điều 32:</u> Họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Thẩm quyền triệp tập họp Đại hội đồng Cổ đông: thực hiện theo quy định tại Điều 136 Luật Doanh nghiệp (ngoại trừ những quy định trái với Luật Các tổ chức tín dụng). Trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của ngân hàng An Bình, NHNN có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường và quyết định về nội dung NHNN yêu cầu.

2. Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, thời hạn này có thể được Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường theo quyết định triệu tập họp của Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.

b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật Các tổ chức tín dụng; và/hoặc số lượng thành viên còn lại không đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

4. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp.

5. Mời họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp.

6. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 141 Luật Doanh nghiệp.
8. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

Điều 33: Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

1. Việc thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 143; Điều 144 Luật Doanh nghiệp và các quy định tại Điều này.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề quy định tại các điểm a, d , f, q khoản 1 Điều 31 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
3. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:
   a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b và c khoản này, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi mốt phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
   b) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, đối với một số vấn đề sau:
      - Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ;
      - Thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
      - Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của ngân hàng An Bình có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của ngân hàng An Bình ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
      - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng;
      - Quyết định việc tổ chức lại, giải thể Ngân hàng hoặc yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
      - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
   c) Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức xác định người trúng cử phải đạt ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu bầu. Trường hợp số lượng ứng viên nhiều hơn số lượng cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát áp dụng theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
   d) Trường hợp Cổ đông dự họp là người có liên quan đến vấn đề cần biểu quyết thì sẽ không có quyền biểu quyết, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có ít nhất 51% (năm mươi mốt phần trăm) hoặc 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định tại các điểm a hoặc c khoản 3 Điều này.
4. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 145 Luật

Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 71% (bảy mươi mốt phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng Cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN.

Điều 34: Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Các nội dung liên quan đến biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
2. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp, tất cả các quyết định được Đại hội đồng Cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng An Bình đặt trụ sở chính.

Điều 35: Hủy bỏ các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Việc yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG VIII
ĐIỀU KHOẢN CHUNG
VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 36: Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng An Bình, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 37: Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Ngân hàng An Bình.

Điều 38: Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng An Bình, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng An Bình.

Điều 39: Bầu, bổ nhiệm các chức danh

1. Việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng An Bình được thực hiện như sau:
   - Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm. Những người được bầu, bổ nhiệm cho các chức danh này phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận.
   - NHNN quy định cụ thể thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm này.
   - Ngân hàng phải thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu, bổ nhiệm trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.
2. Ngân hàng An Bình quy định và tự chịu trách nhiệm về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc

Chi nhánh, Giám đốc công ty trực thuộc và thông báo cho NHNN danh sách những người được bổ nhiệm kèm sơ yếu lý lịch của những người này.

Điều 40: Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

1. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty trực thuộc của Ngân hàng An Bình:
   a) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
   b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
   c) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
   d) Người đã từng bị kết án về về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
   e) Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng;
   f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng;
   g) Bố mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng An Bình.
2. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương của Ngân hàng An Bình:
   a) Thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;
   b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
   c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
   d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
   e) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng theo quy định tại Điều 37 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó

có sai phạm dẫn đến việc Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

f) [Bãi bỏ]

g) Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng An Bình;

h) Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được là Tổng Giám đốc của Ngân hàng An Bình;

i) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Điều 41: Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

1. Thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng An Bình:

a) Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng An Bình;

b) Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con trực thuộc của Ngân hàng An Bình hoặc là thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng An Bình;

c) Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Ngân hàng An Bình không được đồng thời là người điều hành của Ngân hàng An Bình và của tổ chức tín dụng khác;

2. Thành viên Ban Kiểm soát:

a) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng An Bình hoặc công ty trực thuộc của Ngân hàng An Bình; hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Ngân hàng An Bình là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;

b) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tại Ngân hàng An Bình;

c) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành của tổ chức tín dụng khác.

3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng An Bình không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng An Bình.

Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng An Bình không được đồng thời là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của của Ngân hàng An Bình không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Thành viên, thành viên Hội đồng Thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

Điều 42: Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm

1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình:
   a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 40 Điều lệ này.
   b) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều **47** và Điều **49** Điều lệ này;
   c) Có bằng đại học trở lên.
   d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán
   e) Đối với thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại các điểm a, b, c và d khoản này, còn phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định tại Điều 43 điều lệ này.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng An Bình:
   a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 40 Điều lệ này;
   b) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều **47** và Điều **49** Điều lệ này;
   c) Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành kinh tế, luật, quản trị kinh doanh, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính Ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
   d) Không phải là người có liên quan của người quản lý Ngân hàng An Bình;
   e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm (đối với thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách).
3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc Ngân hàng An Bình:
   a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 40 Điều lệ này;
   b) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều **47** và Điều **49** Điều lệ này;
   c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;
   d) Có ít nhất 05 năm làm người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh

vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán;

e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty trực thuộc của Ngân hàng An Bình:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 40 Điều lệ này; đối với Phó Tổng Giám đốc không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 40 Điều lệ này.

b) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm:

- Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành kinh tế, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc
- Có bằng Đại học hoặc trên Đại học ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính Ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

5. Việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng An Bình phải dựa theo trong danh sách dự kiến đã được NHNN chấp thuận. Ngân hàng An Bình phải thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh trên trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.

6. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều này, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

<u>Điều 43:</u> Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị

1. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng An Bình hoặc công ty trực thuộc của Ngân hàng An Bình hoặc đã làm việc cho Ngân hàng An Bình hoặc công ty trực thuộc của Ngân hàng An Bình bất kỳ thời gian nào trong 03 (ba) năm liền kề trước đó.

2. Không phải là người đang hưởng lương và thù lao, phụ cấp khác của Ngân hàng An Bình ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Không phải là người có vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột và vợ chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng An Bình, người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng An Bình hoặc công ty con của Ngân hàng An Bình.

4. Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng An Bình tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó; không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng An Bình.

5. Không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng An Bình.

6. Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng Quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị có liên quan.

Điều 44: Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc:
   a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
   b) Vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 40 Điều lệ này;
   c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức (mà người đó là đại diện vốn góp) chấm dứt;
   d) Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
   e) Bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
   f) Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
   g) Hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.
2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được các đối tượng bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị của Ngân hàng An Bình phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.
3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng An Bình sau khi bị xác định mất tư cách đương nhiên vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 45: Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng An Bình bị xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:
   a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
   b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức);
   c) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 42 của Điều lệ này;

d) Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị;

e) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (đối với thành viên Hội đồng Quản trị) trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

f) Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều **47** và Điều **49** Điều lệ này

g) Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;

h) Không đảm bảo số cổ phần sở hữu tối thiểu do Điều lệ Ngân hàng An Bình quy định đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát;

i) Vi phạm quy định của Pháp luật, của NHNN và Điều lệ này về mua, bán và chuyển nhượng cổ phần;

j) Vi phạm nghiêm trọng quy định của Pháp luật, của NHNN và Điều lệ này trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

k) Các trường hợp khác do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và có ghi trong Điều lệ này.

2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.

<u>Điều 46:</u> Đình chỉ, tạm đình chỉ

1. Trường hợp Ngân hàng An Bình bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm soát đặc biệt do NHNN thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc nếu xét thấy cần thiết.

2. Trường hợp Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng An Bình vi phạm quy định tại Điều 41 Điều lệ này, vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, NHNN có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế của những đối tượng vi phạm này nếu xét thấy cần thiết.

3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng An Bình có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của cơ quan bảo vệ pháp luật.

4. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Ngân hàng An Bình hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 47: Công khai các thông tin liên quan

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng An Bình phải công khai với ngân hàng các thông tin sau đây:
   a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên;
   b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc)
2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Ngân hàng An Bình phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng Cổ đông và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của ngân hàng An Bình.
4. Ngân hàng An Bình phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng An Bình nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

CHƯƠNG IX

CÁC NGHĨA VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 48: Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và thành viên Ban Điều Hành

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều Hành có nghĩa vụ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng An Bình phù hợp qui định của Pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng An Bình với mức độ thận trọng mà một người cẩn thận thông thường cũng sẽ thực hiện khi ở vào điều kiện và hoàn cảnh tương tự.

Điều 49: Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty trực thuộc, Giám đốc đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng An Bình

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của Ngân hàng.
2. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng An Bình; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng.
3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng Quản trị đã xem xét và chấp thuận.
4. Việc công khai các lợi ích có liên quan thực hiện theo quy định Điều 39 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 159 Luật Doanh nghiệp.
5. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với Ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng An Bình.
6. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định tại điểm t, khoản 1, Điều 1 Điều lệ này vay vốn Ngân hàng An Bình với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của Ngân hàng An Bình.
7. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi Ngân hàng An Bình bị lỗ.
8. Các hợp đồng giao dịch (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn luật này) của Ngân hàng An Bình với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu và người có liên quan

của họ, công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng An Bình, chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo qui định sau đây:

a) Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

b) Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng Quản trị là bên ký hợp đồng hoặc có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.

9. Trường hợp, hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận theo qui định tại khoản **8** Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo qui định của Pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Ngân hàng An Bình phải có trách nhiệm bồi thường.

10. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban Điều Hành không được mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng An Bình hay của các công ty trực thuộc khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có những thông tin đó.

Điều 50: Trách nhiệm và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban Điều Hành phải có nghĩa vụ chấp hành đúng các qui định pháp luật hiện hành, Điều lệ Ngân hàng và các qui chế nội bộ của Ngân hàng An Bình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.

2. Ngân hàng An Bình sẽ bồi thường toàn bộ thiệt hại theo quy định của pháp luật liên quan đối với công việc thuộc trách nhiệm được giao của lãnh đạo, cán bộ, nhân viên của Ngân hàng An Bình mà những người này phải tham gia, với điều kiện những người này đã thực hiện đúng các qui định của Pháp luật, Điều lệ này và các qui chế của Ngân hàng An Bình. Ngân hàng có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này đối với các trách nhiệm đó.

3. Ngân hàng An Bình sẽ bồi thường theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại phát sinh trong quá trình Thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện chức trách được giao với điều kiện Thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện đúng các qui định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Ngân hàng An Bình khi thi hành nhiệm vụ. Việc bồi hoàn, thanh toán, chi trả các chi phí phát sinh cho Thành viên Hội đồng Quản trị để thực hiện nhiệm vụ của mình theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 57 Điều lệ này.

CHƯƠNG X
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 51: Thành phần và nhiệm kỳ

1. Đại hội đồng Cổ đông bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 33 Điều lệ này. Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị (và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, nếu có) trong số các thành viên Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
2. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội cổ đông quyết định. Tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị phải là người không điều hành và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể là thành viên độc lập.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị, nhưng không được chiếm quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của Hội đồng Quản trị, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của nhà nước.
4. Số thành viên Hội đồng Quản trị chưa có bằng Đại học không vượt quá 1/4 (một phần tư) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.
5. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05(năm) năm. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo qui định pháp luật hiện hành và Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và thông báo việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo qui định của NHNN. Kết quả bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng An Bình phải thông báo cho NHNN. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
6. Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, Ngân hàng An Bình phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định.
7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Ngân hàng An Bình không được phép tham gia Hội đồng Quản trị hoặc tham gia điều hành tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty trực thuộc của Ngân hàng An Bình.
8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được đồng thời là Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng An Bình. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

9. Trường hợp có cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia Hội đồng Quản trị phải có thêm các điều kiện sau:

a) Không làm thành viên Hội đồng Quản trị quá 2 (hai) tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

b) Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Ngân hàng An Bình.

Điều 52: Cơ cấu tổ chức của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị phải thành lập tối thiểu hai Ủy ban theo quy định NHNN, gồm Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự.
2. Mỗi Ủy ban phải có tối thiểu 03 (ba) thành viên, gồm Chủ nhiệm và các thành viên của Ủy ban. Một thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình có thể là thành viên của một hoặc một số Ủy ban. Ủy ban Quản lý rủi ro phải có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị.
3. Chủ nhiệm các Ủy ban phải là thành viên Hội đồng Quản trị. Một thành viên Hội đồng Quản trị không đồng thời là Chủ nhiệm của Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ nhiệm của Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự.
4. Căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao, Ủy ban có thể bao gồm một hoặc một số thành viên không phải là thành viên Hội đồng Quản trị.
5. Hội đồng Quản trị ban hành quy định nội bộ về cơ chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Ngay sau khi ban hành, Hội đồng Quản trị gửi các quy định nội bộ này tới NHNN chi nhánh và NHNN (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát) để báo cáo.

Điều 53: Cơ chế làm việc của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị

1. Các Ủy ban là cơ quan giúp việc cho Hội đồng Quản trị, có vai trò tham mưu cho Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị và thực hiện một số nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị phân công (nếu có).
2. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể cơ chế làm việc của các Ủy ban, tối thiểu gồm các vấn đề sau đây:
   - Các kỳ họp định kỳ của Ủy ban;
   - Việc họp bất thường của Ủy ban;
   - Việc đưa ra quyết định của Ủy ban;
   - Cơ chế phán quyết của Hội đồng Quản trị đối với các ý kiến đề xuất của Ủy ban.

Điều 54: Nhiệm vụ, chức năng của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình

1. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ban hành quy định nội bộ về nhiệm vụ, chức năng của các Ủy ban. Quy định này tối thiểu bao gồm các nội dung: việc thành

lập, chức năng, nhiệm vụ, số lượng thành viên cụ thể của từng Ủy ban, trách nhiệm của từng thành viên trong Ủy ban. Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự bao gồm tối thiểu những nội dung nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Quản lý rủi ro:

a) Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

b) Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng An Bình trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

c) Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng An Bình để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

d) Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao.

3. Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự:

a) Tham mưu cho Hội đồng Quản trị về quy mô và cơ cấu Hội đồng Quản trị, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng An Bình.

b) Tham mưu cho Hội đồng Quản trị xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Người điều hành Ngân hàng An Bình theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này.

c) Nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, các cán bộ, nhân viên của Ngân hàng An Bình.

Điều 55: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Ngân hàng An Bình.
3. Quyết định cơ cấu tổ chức của Ngân hàng An Bình; Chi nhánh, công ty trực thuộc, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng An Bình.
4. Quyết định việc mở chi nhánh, Văn phòng đại diện, thành lập đơn vị sự nghiệp.

5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng Quản trị, và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.

6. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của ngân hàng An Bình ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

7. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

8. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động Ngân hàng An Bình, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại điểm n khoản 1 Điều 31 Khoản 8 Điều 49 Điều lệ này; quy định việc phân cấp, phân quyền, hạn mức phê duyệt cho các cấp dưới đối với việc đầu tư, mua, bán tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị quy định tại Khoản 8 Điều 49 Điều lệ này.

8a. Quy định việc phân cấp, phân quyền phê duyệt tín dụng của các cấp phê duyệt tại Ngân hàng An Bình trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc phải do Hội đồng Quản trị quyết định theo quy định của pháp luật và quy định tại Khoản 8 Điều 49 Điều lệ này.

9. Quyết định các hợp đồng giao dịch của Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, và văn bản hướng dẫn Luật này với Công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng An Bình; các hợp đồng giữa Ngân hàng An Bình với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng An Bình và người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

10. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại điểm o khoản 1 Điều 31 của điều lệ này.

11. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập *theo uỷ quyền của Đại hội đồng Cổ đông để kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng An Bình. Trường hợp cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông được cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn tiến hành sau 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính thì Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập sau đó trình Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn quyết định này.*

12. Chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của NHNN.

13. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.

14. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ này, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại Hội đồng cổ đông.

15. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
16. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
17. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
18. Trình Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
19. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.
20. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
21. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.
22. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này.
23. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng Cổ đông.
24. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
25. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
26. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định.
27. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị.
28. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
29. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này.

<u>Điều 56:</u> Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng An Bình. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo cơ chế ủy quyền nội bộ do Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình quy định để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Văn bản uỷ quyền phải nêu rõ phạm vi đại diện theo ủy quyền, thời hạn đại diện. Người đại diện theo ủy quyền chỉ được thực hiện giao dịch trong phạm vi đại diện.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Thành viên viên khác của Hội đồng Quản trị đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình:

a) Các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 3, 4 Điều 152 Luật Doanh nghiệp, Điều 64 Luật các Tổ chức tín dụng.

b) Đảm bảo các thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét.

c) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

d) Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung.

e) Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

a) Cùng với các thành viên khác của Hội đồng Quản trị, quản trị Ngân hàng An Bình theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.

b) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng An Bình.

c) Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

d) Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

e) Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định của pháp luật và điều lệ Ngân hàng An Bình.

f) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và điều lệ Ngân hàng An Bình.

g) Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về những quyết định của mình.

h) Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

i) Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.

j) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này.

k) Các thành viên Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và những thành viên này không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị:

a) Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Ngân hàng An Bình cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của các đơn vị trong Ngân hàng An Bình.

b) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 57: Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc

1. Ngân hàng có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng Quản trị được Ngân hàng An Bình thanh toán, chi trả các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác theo quy định của Ngân hàng An Bình khi Thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ được giao (bao gồm cả chi phí hợp lý cho các chuyến công tác và tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, cuộc họp các Uỷ ban của Hội đồng Quản trị hoặc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông);

c) Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định theo quy định sau đây:

a) Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên;

b) Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác;

c) Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng An Bình.

Điều 58: Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trong thời hạn tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản **1 Điều 44** Điều lệ

này, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu một thành viên làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gởi đến Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn tối đa 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gởi Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng Cổ đông gần nhất quyết định.
4. Trường hợp bị giảm quá 1/3 (một phần ba) số thành viên Hội đồng Quản trị thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định, Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng Cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị mới được bầu xử lý, đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
7. Sau khi Ngân hàng An Bình bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới theo quy định tại điều này, Hội đồng Quản trị có văn bản thông báo NHNN, kèm theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị về việc bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

<u>Điều 59:</u> Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát

1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu 30 (ba mươi) ngày, Hội đồng Quản trị phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; trong đó dự kiến số lượng thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị (trường hợp chưa bầu thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị hoặc chưa đủ ít nhất 02 thành viên theo quy định); đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.
2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên cho các chức danh dự kiến bầu. Trường hợp các cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị), thành viên Ban Kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng Quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này.

3. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo điều kiện theo quy định, Hội đồng Quản trị thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do.
4. Sau khi lập Danh sách ứng cử viên, Hội đồng Quản trị có văn bản đề nghị NHNN chi nhánh xem xét, chấp thuận Danh sách này.
5. Đại hội đồng Cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được bầu và tiến hành bầu những người có tên trong Danh sách ứng cử viên đã được NHNN chi nhánh chấp thuận tại khoản 3 Điều này. Ngân hàng An Bình có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng Quản trị khác.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bắt đầu thực hiện nhiệm vụ kể từ khi Đại hội đồng Cổ đông bầu các chức danh này và tiếp quản công việc; phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 60: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Các nội dung liên quan đến việc họp Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.
2. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp.
3. Ngân hàng quy định trong Quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.
4. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên khác của Hội đồng Quản trị hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất 01(một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp. Thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt tại cuộc họp nhưng đã uỷ quyền cho Thành viên khác của Hội đồng Quản trị thay mặt mình phát biểu ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp hoặc gửi ý kiến biểu quyết trước được coi như đã tham dự và biểu quyết về nội dung cuộc họp.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.
6. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền (trừ trường hợp quy định tại Điều 61 Điều lệ này); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người chủ tọa cuộc họp.
7. Biên bản họp Hội đồng Quản trị:
   a) Các nội dung liên quan đến Biên bản họp Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp.
   b) Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.
   c) Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
8. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản:
   a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.
   b) Thư ký Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị.
   c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
      - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
      - Mục đích lấy ý kiến;
      - Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng Quản trị;
      - Vấn đề cần lấy ý kiến;
      - Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
      - Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng;
      - Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
   d) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị và gửi về Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng.
   e) Thư ký Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
      - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
- Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
- Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.

f) Thư ký Hội đồng Quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

g) Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

i) Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

9. Những người được mời dự họp Hội đồng Quản trị: Các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác, nhưng không được tham gia biểu quyết.

<u>Điều 61</u>: Quyết định cần được tất cả thành viên Hội đồng Quản trị thông qua

Quyết định của Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau đây được thông qua theo nguyên tắc đồng thuận của tất cả các thành viên có quyền biểu quyết:

1. Thông qua Hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng An Bình với bất cứ bên liên quan nào có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ Ngân hàng An Bình ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các hợp đồng nhỏ có thời hạn dưới một (01) năm và được thoả thuận trên cơ sở bình đẳng theo các điệu kiện thương mại thông thường. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;

2. Thông qua sửa đổi ngân sách kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng An Bình (đã được phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất);
3. Phê duyệt nghĩa vụ thanh toán ngoại lệ so với các quy định trong kinh doanh của Ngân hàng An Bình mà không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này đối với nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt hay phương thức khác có tổng giá trị vượt quá 5% (năm phần trăm) tổng vốn chủ sở hữu của Ngân hàng An Bình trong năm tài chính đó;
4. Huỷ bỏ hoặc thay thế tổ chức kiểm toán độc lập theo uỷ quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 62: Bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình.
2. Hội đồng Quản trị có các nhân viên giúp việc và Ban tư vấn chuyên trách, nếu cần. Hội đồng Quản trị quy định số lượng và nhiệm vụ của từng thành viên giúp việc.
3. Hội đồng Quản trị phải thành lập các Ủy ban để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó tối thiểu phải có 02 Ủy ban là: Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự.
4. Giúp việc cho Hội đồng Quản trị có Thư ký Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị qui định chức năng, nhiệm vụ của thư ký. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký vào bất cứ thời điểm nào tuy nhiên không được làm phương hại đến các yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng lao động giữa Thư ký và Ngân hàng An Bình. Hai hoặc nhiều người có thể được bổ nhiệm là đồng Thư ký, chức năng, nhiệm vụ của Thư ký bao gồm:

a) Thông báo việc triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hay của Ban Kiểm soát;

b) Ghi biên bản cuộc họp;

c) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;

d) Cung cấp thông tin cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và cổ đông.

CHƯƠNG XI
TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 63: Tổng Giám đốc

1. Điều hành hoạt động Ngân hàng An Bình là Tổng Giám đốc, giúp việc Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.
2. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01(một) trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ này. Lương, bổi thường và các quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng Cổ đông và ghi tại báo cáo năm của Ngân hàng An Bình.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng Giám đốc được thực hiện theo Luật Các Tổ Chức Tín Dụng, qui định của NHNN, và điều lệ này.
4. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc.

Điều 64: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

1. Danh sách dự kiến người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc của Ngân hàng An Bình phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi Hội đồng Quản trị bổ nhiệm chức danh này. Người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc của Ngân hàng An Bình phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận. Ngân hàng An Bình phải thông báo cho NHNN người được bổ nhiệm chức danh này trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bổ nhiệm. Trình tự thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo qui định của NHNN.
2. Tổng Giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng Giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng Giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Trường hợp Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc thì trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ ngày Tổng Giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách. Hội đồng Quản trị phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc hoặc 01(một) Giám Đốc Khối (trường hợp không có Phó Tổng Giám đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 40 Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay báo cáo bằng văn bản lên NHNN. Người được cử điều hành Ngân hàng phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.

4. Trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng Quản trị thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN, đồng thời tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục xin bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.
5. Trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của Pháp luật, của NHNN và Điều lệ này thì Hội đồng Quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc, đồng thời phải cử ngay 01(một) Phó Tổng Giám đốc hoặc 01(một) Giám Đốc Khối (trường hợp không có Phó Tổng Giám đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN, không thuộc đối tượng quy định tại Điều **40** Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng Giám đốc, gởi NHNN giải quyết theo quy định hiện hành.

Điều 65: Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Các quyền và nhiệm vụ quy định tại khoản 3, 4 Điều 157 Luật Doanh nghiệp, Điều 49 luật Các Tổ chức tín dụng.
2. Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
3. Thiết lập các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
4. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
6. Báo cáo với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
7. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng Quản trị để giải quyết tiếp.
8. Kiến nghị, đề xuất việc tổ chức, quản trị và hoạt động Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
9. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

CHƯƠNG XII
BAN KIỂM SOÁT

Điều 66: Thành phần và nhiệm kỳ

1. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng An Bình nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Ngân hàng. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Ban Kiểm soát của Ngân hàng An Bình có tối thiểu 3 thành viên, trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại ngân hàng An Bình hoặc doanh nghiệp khác.
3. Thành viên Ban Kiểm Soát chuyên trách là thành viên Ban Kiểm Soát làm việc thường trực giữa các kỳ họp của Ban Kiểm Soát và chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do Ban Kiểm soát phân công. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách không được đồng thời đảm nhận chức vụ, làm việc tại tổ chức tín dụng khác. Ban Kiểm Soát quy định cụ thể cơ chế làm việc và nhiệm vụ, trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách.
4. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ và được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng An Bình, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của mình.
5. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 (năm) năm, có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng Quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
6. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát bị giảm quá 1/3 (một phần ba) theo quy định tại Điều lệ này hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, Ngân hàng phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.

Điều 67: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ này trong quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
3. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận Kiểm toán Nội bộ theo quy định của NHNN. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung

cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng An Bình, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.
5. Xem xét sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng An Bình khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ này. Ban Kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng Quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý Ngân hàng theo quy định pháp luật, Điều lệ này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có). Lập danh sách những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu của Ngân hàng, lưu giữ và cập nhật danh sách này.
7. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
8. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định pháp luật và Điều lệ này hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
9. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận Kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng An Bình.
10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này.

<u>Điều 68:</u> Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.

b) Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.

c) Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

d) Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.

e) Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

f) Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.

g) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát theo Quy định nội bộ của Ngân hàng An Bình.

h) Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.

i) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.

j) Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

k) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông.

b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát.

c) Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.

d) Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có.

e) Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng An Bình cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

f) Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.

g) Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.

h) Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.

i) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này.

3. Thành viên chuyên trách của Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát không phải là cổ đông được hưởng lương theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, các thành viên Ban Kiểm soát khác được hưởng thù lao công vụ. Mức lương hoặc thù lao công vụ của thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

Các thành viên Ban Kiểm soát được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tổng số phí công vụ (lương hoặc thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Ban Kiểm soát và số phí công vụ mà mỗi thành viên Ban Kiểm soát đã nhận sẽ được nêu chi tiết trong báo cáo hàng năm của Ngân hàng An Bình.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám Đốc và các thành viên của Ban Điều Hành phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng An Bình theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và Thư ký phải bảo đảm rằng tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng Quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng Quản trị.

<u>Điều 69:</u> Thay thế thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên của Ban Kiểm soát sẽ đương nhiên mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo qui định tại Điều 44 và Điều 45 của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và thông báo việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo qui định của NHNN.
2. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên Ban Kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban Kiểm soát. Trường hợp không có thành viên Ban Kiểm soát là cổ đông, các thành viên Ban Kiểm soát còn lại cử 01(một) thành viên đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của NHNN tạm thời đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban Kiểm soát và đề nghị Hội đồng Quản trị trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách) tiến hành triệu tập Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát trong số các cổ đông của Ngân hàng An Bình thay thế và tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban Kiểm soát.
3. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gởi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, và bầu Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định hiện hành. Trường hợp các thành viên Ban Kiểm soát còn lại không phải là cổ đông, trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (kể từ ngày nhận đơn xin từ chức Trưởng Ban Kiểm soát), Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông để quyết định số thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ này và bầu thành viên Ban Kiểm soát trong số các cổ đông của Ngân hàng An Bình, sau đó tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban Kiểm soát.
4. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng Ban Kiểm soát thay thế.
5. Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gởi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát để trình Đại hội đồng Cổ đông gần nhất quyết định.

6. Trường hợp bị giảm quá 1/3 (một phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ này thì trong thời hạn không quá 60(sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban Kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.
7. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng Cổ đông sẽ bầu thành viên Ban Kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 70: Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp thường kỳ: Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quí một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. Cuộc họp bất thường: Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp bất thường theo đề nghị của:

a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị;

b) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng Quản trị;

c) Trưởng Ban Kiểm soát;

d) Ít nhất 2 (hai) thành viên Ban Kiểm soát;

e) Tổng Giám đốc;

f) Giám đốc NHNN TP. Hồ Chí Minh.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, e, f của khoản 2 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau 02 (hai) lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo NHNN TP. Hồ Chí Minh và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban, bầu 01(một) thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban, thông báo cho NHNN theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
4. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Trụ sở Ngân hàng An Bình.
5. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau ít nhất 5 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát trừ trường hợp được các thành viên Ban Kiểm soát đồng ý về thời hạn sớm hơn. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được gửi kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban Kiểm soát này sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Ban Kiểm soát trước khi họp.

6. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Sau 2 (hai) lần triệu tập họp Ban Kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.

7. Biểu quyết:

a) Mỗi thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có 01 (một) phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho 01 (một) thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết này.

b) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính và số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

c) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

d) Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong khoản 8 Điều 49 của Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

8. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới 01 (một) hợp đồng, một thỏa thuận hay 01 (một) hợp đồng dự kiến hay một thỏa thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng An Bình phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Ban Kiểm soát, tại đây Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp Hội đồng Quản trị gần nhất và cuộc họp Ban Kiểm soát gần nhất sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

9. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).

10. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.

11. Biên bản: Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát phải được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Kiểm soát. Chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp cho các thành viên Ban Kiểm soát và những biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

CHƯƠNG XIII
CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NGÂN HÀNG AN BÌNH

Điều 71: Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng An Bình

1. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng An Bình bao gồm các thành phần sau:
   a) Trụ sở chính;
   b) Các chi nhánh, văn phòng đại diện, các đơn vị sự nghiệp ở trong nước, kể cả tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính;
   c) Chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.
2. Ngân hàng An Bình được mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện, được thành lập đơn vị sự nghiệp theo quy định của NHNN và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 72: Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng An Bình

Ngân hàng An Bình bao gồm các cơ chế chính sau:

1. Đại hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc

Điều 73: Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc

1. Các Phó Tổng Giám đốc;
2. Kế toán trưởng;
3. Các đơn vị trực thuộc Ban Điều Hành

CHƯƠNG XIV
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG AN BÌNH

Điều 74: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông lớn được quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản, thẩm tra danh sách các cổ đông của Ngân hàng An Bình và các biên bản của Đại hội đồng Cổ đông trong giờ làm việc tại trụ sở kinh doanh chính của Ngân hàng An Bình và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu của người được ủy quyền phải được kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều Hành khác có quyền kiểm tra sổ cái của Ngân hàng An Bình, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Ngân hàng An Bình vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Ngân hàng An Bình phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung của nó, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các qui chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, các báo cáo tài chính hàng năm đã được xác nhận của Kiểm toán độc lập, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo các của Ban Kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo qui định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác trong địa bàn hoạt động của trụ sở chính với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu giữ các giấy tờ này.
4. Mỗi cổ đông sẽ có quyền nhận được 01(một) bản sao Điều lệ này. Trường hợp Điều lệ này được công bố trên trang web của Ngân hàng An Bình thì vệc công bố này được thay cho việc cung cấp bản sao Điều lệ này cho cổ đông.

CHƯƠNG XV
NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 75: Người lao động và công đoàn

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm xây dựng các văn bản, chính sách liên quan đến việc tuyển dụng, thuê mướn lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của Ngân hàng An Bình cũng như quan hệ của Ngân hàng An Bình với tổ chức Công đoàn, trình Hội đồng Quản trị ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG XVI
PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 76: Cổ tức

1. Việc trả cổ tức của Ngân hàng An Bình thực hiện theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.
2. Ngân hàng An Bình không được trả lãi suất hoặc một khoản tiền khác có tính chất lãi cho cổ tức, trừ trường hợp cổ tức được trả vào tài khoản tiền gửi của cổ đông tại Ngân hàng An Bình.
3. Bất cứ cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới 01(một) cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và trả vào tài khoản của cổ đông mở tại Ngân hàng An Bình, trường hợp trả vào tài khoản của cổ đông tại Ngân hàng khác, cổ đông phải chịp chi phí chuyển tiền. Ngoài ra, bất kỳ cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản Ngân hàng khi Ngân hàng An Bình đã được cung cấp chi tiết về Ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Ngân hàng An Bình thực hiện được việc chuyển khoản những khoản tiền đó trực tiếp vào tài khoản Ngân hàng của cổ đông. Ngân hàng An Bình sẽ không bị truy đòi đối với bất kỳ khoản tiền nào được Ngân hàng An Bình chuyển bằng chuyển khoản Ngân hàng nhưng cổ đông thụ hưởng không nhận được nếu Ngân hàng An Bình đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về Ngân hàng do chính cổ đông đó cung cấp.
4. Những người đã chính thức đăng ký giữ cổ phiếu hoặc các chứng khoán khác có quyền nhận cổ tức, khoản phân bổ, tiền lãi, khoản chia, thông báo hoặc tài liệu.
5. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Ngân hàng An Bình.

CHƯƠNG XVII

HỆ THỐNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 77: Hệ thống Kiểm toán nội bộ

Ngân hàng An Bình sẽ thiết lập một hệ thống kiểm toán nội bộ như sau:

1. Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng An Bình được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát.
2. Căn cứ quy mô, mức độ và đặc điểm hoạt động của Ngân hàng An Bình *và quy định của pháp luật hiện hành, Ban Kiểm soát quyết định về tổ chức bộ máy của Kiểm toán Nội bộ.*
3. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ độc lập với các đơn vị, các bộ phận điều hành, tác nghiệp của Ngân hàng An Bình và được độc lập đánh giá, kết luận, kiến nghị trong hoạt động kiểm tra, kiểm toán.
4. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Ngân hàng An Bình; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm ngân hàng An Bình hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
5. Các quy định khác về bộ phận Kiểm toán Nội bộ của Ngân hàng An Bình không được quy định trong Điều lệ này được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật và cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.

Điều 78: Tiêu chuẩn đối với *kiểm toán viên nội bộ*

1. Kiểm toán viên nội bộ phải có đủ các tiêu chuẩn tối thiểu như sau:
   a) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có bằng đại học trở lên về ngành công nghệ thông tin hoặc chuyên ngành phù hợp đối với kiểm toán viên công nghệ thông tin;
   b) Có kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong ngành ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán tối thiểu là 02 năm đối với kiểm toán viên nội bộ và 03 năm đối với Trưởng kiểm toán nội bộ; có kinh nghiệm làm việc trong ngành công nghệ thông tin tối thiểu là 02 năm đối với kiểm toán viên công nghệ thông tin.
   c) Có phẩm chất trung thực, ý thức chấp hành pháp luật và sự nhìn nhận khách quan;
   d) Tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp được ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng An Bình;
2. Tiêu chuẩn cụ thể cho từng bậc Kiểm toán viên do Trưởng Ban kiểm soát ban hành trong từng thời kỳ nhưng không được thấp hơn các tiêu chuẩn nêu tại Khoản 1 Điều này.

Điều 79: Nhiệm vụ của Kiểm toán nội bộ

Kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, các quy định, hướng dẫn của NHNN và quy định cụ thể của Ban Kiểm soát trong từng thời kỳ và tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:

1. Thực hiện kiểm toán nội bộ đối với trụ sở chính, chi nhánh và đơn vị phụ thuộc khác của ngân hàng thương mại;
2. Xây dựng, rà soát để trình Ban kiểm soát ban hành, sửa đổi, bổ sung:
   a) Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Thông tư này;
   b) Quy định nội bộ của Ban kiểm soát;
   c) Kế hoạch kiểm toán nội bộ;
3. Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các cá nhân, bộ phận;
4. Thực hiện các kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác đối với kiểm toán nội bộ;
5. Lập báo cáo về kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng An Bình

Điều 80: Quyền hạn của Kiểm toán nội bộ

Kiểm toán nội bộ thực hiện quyền hạn phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng, các quy định, hướng dẫn của NHNN và quy định cụ thể của Ban Kiểm soát trong từng thời kỳ và tối thiểu gồm các nội dung sau:

a) Được trang bị nguồn lực cần thiết (nhân lực, tài chính, tài sản và các công cụ khác);

b) Được cung cấp các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công tác kiểm toán nội bộ, bao gồm cả các văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

c) Được phỏng vấn các cá nhân về nội dung liên quan đến kiểm toán nội bộ; kiến nghị cấp có thẩm quyền theo quy định nội bộ của Ngân hàng An Bình xử lý đối với hành vi bất hợp tác của cá nhân, bộ phận trong quá trình thực hiện kiểm toán nội bộ;

d) Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng An Bình.

Điều 81: Trách nhiệm của Kiểm toán Nội bộ, kiểm toán viên nội bộ

Kiểm toán nội bộ, kiểm toán viên nội bộ chịu trách nhiệm liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, các quy định, hướng dẫn của NHNN, quy định tại Điều lệ này và quy định cụ thể của Ban Kiểm soát trong từng thời kỳ.

Điều 82: Chế độ tài chính

1. Ngân hàng An Bình chấp hành chế độ tài chính theo qui định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng An Bình chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước các cơ quan quản lý nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Ngân hàng An Bình.

Điều 83: Sử dụng vốn

1. Ngân hàng An Bình được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo qui định của Pháp luật.
2. Ngân hàng An Bình được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo qui định của Pháp luật.
3. Ngân hàng An Bình được điều động vốn và tài sản giữa các công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập.

Điều 84: Các quỹ dự trữ

Ngân hàng An Bình được trích lập các quỹ sau:

1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
2. Quỹ dự phòng tài chính;
3. Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ;
4. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm;
5. Quỹ khen thưởng;
6. Quỹ phúc lợi.

Điều 85: Tự chủ về tài chính của Ngân hàng An Bình

Ngân hàng An Bình tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo qui định của Pháp luật.

Điều 86: Kế toán và Thuế

1. Ngân hàng An Bình thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo qui định của Pháp luật.
2. Năm tài chính của Ngân hàng An Bình bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

3. Ngân hàng An Bình sẽ lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Ngân hàng An Bình phải lập sổ kế toán theo loại hình kinh doanh. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.
4. Ngân hàng An Bình thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do NHNN qui định.

Điều 87: Kiểm tra, thanh tra Ngân hàng

Ngân hàng An Bình chịu sự kiểm tra, thanh tra của NHNN theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XVIII

BÁO CÁO HÀNG NĂM, TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 88: [Bãi bỏ]

Điều 89: Báo cáo tài chính

1. Ngân hàng An Bình phải lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê lên các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Ngân hàng An Bình chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.
2. Báo cáo tài chính của Ngân hàng An Bình bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hàng năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình lãi và lỗ của Ngân hàng trong năm tài chính và tình hình các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng cho đến thời điểm lập báo cáo.
3. Trường hợp Ngân hàng An Bình có công ty trực thuộc thì phải lập báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật.
4. Ngân hàng An Bình phải lập và gửi các báo cáo định kỳ theo quy định của NHNN. Ngoài ra, Ngân hàng phải báo cáo ngay với NHNN trong những trường hợp sau:

   a) Diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Ngân hàng An Bình;

   a) Thay đổi lớn về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng An Bình.

   b) Thay đổi tên chi nhánh của Ngân hàng An Bình; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc;

   c) Niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.
5. Các báo cáo hằng năm theo quy định của pháp luật trong thời hạn tối đa 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng An Bình phải gửi NHNN.

Điều 90: Kiểm tra, thanh tra

Ngân hàng An Bình chịu sự kiểm tra, thanh tra của NHNN theo quy định của pháp luật.

Điều 91: Báo cáo và công bố thông tin

1. *Ngân hàng An Bình phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trừ trường hợp được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước gia hạn thì thời hạn không quá 100 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.*
2. *Ngân hàng An Bình phải lập và gửi các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho NHNN, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan hữu quan khác theo đúng quy định của pháp luật.*
3. *Ngân hàng An Bình có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các báo cáo thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính và quản trị ngân hàng theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý có thẩm quyền.*
4. *Ngân hàng An Bình phải ban hành các văn bản nội bộ để thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý có thẩm quyền.*

CHƯƠNG XIX
KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG AN BÌNH

Điều 92: Kiểm toán *độc lập*

1. *Hàng năm, Đại hội đồng Cổ đông quyết định chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng An Bình. Trường hợp cuộc họp thường niên Đại hội đồng Cổ đông được cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn tiến hành sau 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính thì Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập sau đó trình Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn quyết định này.*
2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng An Bình phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
3. Trong quá trình kiểm toán, Ngân hàng An Bình có trách nhiệm:
   a) Cung cấp kịp thời, đầy đủ và trung thực mọi thông tin, tài liệu cần thiết cho việc kiểm toán;
   b) Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm toán viên thực hiện kiểm toán.
4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải họp, đánh giá kỹ lưỡng về báo cáo kiểm toán và các kiến nghị của kiểm toán độc lập, đưa ra kế hoạch và thời gian biểu thực hiện các kiến nghị của kiểm toán độc lập và theo dõi việc thực hiện kế hoạch đó.
5. Kiểm toán viên độc lập được phép tham dự các phiên họp Đại hội đồng Cổ đông, thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ phiên họp nào mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.
6. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, pháp luật về kiểm toán và văn bản hướng dẫn của NHNN.

CHƯƠNG XX
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 93: Áp dụng can thiệp sớm, Kiểm soát đặc biệt

1. Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả, nguy cơ mất khả năng thanh toán, Ngân hàng An Bình phải kịp thời báo cáo NHNN về thực trạng, nguyên nhân, các biện pháp đã áp dụng, các biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục và các đề xuất, kiến nghị với NHNN.
2. Ngân hàng An Bình được NHNN xem xét áp dụng can thiệp sớm và phải thực hiện các biện pháp trong trường hợp được can thiệp sớm theo yêu cầu của NHNN theo quy định tại Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng.
3. Ngân hàng An Bình được NHNN xem xét đặt vào kiểm soát đặc biệt trong các trường khi lâm vào một trong những trường hợp sau:
   a) Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả;
   b) Mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của NHNN;
   c) Số lỗ lũy kế của Ngân hàng lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) tổng số vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
   d) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 130 của Luật Các tổ chức tín dụng trong thời gian 12 (mười hai) tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu thấp hơn 4% (bốn phần trăm) trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục;
   e) Hai (02) năm liên tục bị xếp hạng yếu kém theo quy định của NHNN.
4. Việc thực hiện kiểm soát đặc biệt, chấm dứt kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 145a và 145b Luật Các tổ chức tín dụng. Trường hợp được kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng An Bình có thể được NHNN, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoặc các tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt theo quy định tại Điều 146d Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 94: Trách nhiệm của Ngân hàng An Bình, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng An Bình khi Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt

1. Trường hợp Ngân hàng An Bình được kiểm soát đặc biệt, cổ đông của Ngân hàng An Bình có trách nhiệm sau đây:
   a) Xây dựng phương án cơ cấu lại theo yêu cầu của Ban Kiểm soát đặc biệt.
   b) Thực hiện chủ trương, phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.
   c) Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước quy định tại Điều 146a của Luật Các tổ chức tín dụng.
   d) Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 146b của Luật Các tổ chức tín dụng.

2.Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng An Bình trong trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động kinh doanh bảo đảm an toàn tài sản của Ngân hàng An Bình.

Điều 95: Chấm dứt kiểm soát đặc biệt

1. Việc kiểm soát đặc biệt Ngân hàng An được NHNN xem xét, quyết định chấm dứt thuộc một trong trường hợp sau:

a) Ngân hàng An Bình khắc phục được tình trạng dẫn đến Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 130 của Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng An Bình được sáp nhập, hợp nhất vào tổ chức tín dụng khác hoặc bị giải thể;

c) Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để tiến hành thủ tục phá sản Ngân hàng.

2. Thống đốc NHNN ban hành quyết định kết thúc kiểm soát đặc biệt. Quyết định này được thông báo cho các cơ quan có liên quan.

Điều 96: Phá sản Ngân hàng An Bình

Việc phá sản Ngân hàng An Bình thực hiện theo qui định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật về phá sản.

Điều 97: Giải thể Ngân hàng An Bình

Ngân hàng An Bình bị giải thể trong các trường hợp sau:

1. Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động Ngân hàng An Bình theo qui định của Pháp luật và được NHNN chấp thuận; trong trường hợp này, tối thiểu 180 (một trăm tám mươi) ngày trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động, Ngân hàng An Bình phải có đơn đề nghị gửi NHNN.
2. Khi hết hạn hoạt động Ngân hàng An Bình không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận;
3. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng An Bình, trong các trường hợp sau:

a) Khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 28 Luật các Tổ chức tín dụng;

b) Khi không có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Các tổ chức tín dụng;

c) Ngừng hoạt động trong thời gian liên tục 12 (mười hai) tháng.

4. Giải thể Ngân hàng An Bình được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 150 và Điều 151 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 97a: Chuyển giao bắt buộc Ngân hàng An Bình

1. Trường hợp được kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng An Bình có thể bị chuyển giao bắt buộc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng khi có đủ các điều kiện:
   a) Giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ âm;
   b) Có đề nghị của bên nhận chuyển giao.

2. Việc chuyển giao bắt buộc Ngân hàng An Bình được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại các điều từ Điều 151 đến Điều 151g Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 98: Thanh lý tài sản của Ngân hàng An Bình

1. Trường hợp Ngân hàng An Bình bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý Ngân hàng An Bình được thực hiện theo qui định của Luật Phá Sản Doanh nghiệp.
2. Khi giải thể theo điều **96** của Điều lệ này, Ngân hàng An Bình tiến hành thanh lý tài sản ngay dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do NHNN quy định.
3. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý do Ngân hàng An Bình chịu.
4. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của Ngân hàng An Bình bị giải thể, nếu phát hiện Ngân hàng An Bình không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, Ngân hàng An Bình có thể bị NHNN ra quyết định chấm dứt thanh lý và thực hiện phương án phá sản theo quy định tại Mục 1e Chương VIII của Luật Các tổ chức tín dụng.

CHƯƠNG XXI
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 99: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Bất cứ khi nào một sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Ngân hàng An Bình hay tới quyền của các cổ đông nảy sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thực hiện hiện hành và bất kỳ luật hoặc các quy định hành chính nào khác quy định, giữa:

a) Một cổ đông hay các cổ đông và Ngân hàng An Bình; hoặc

b) Bất kỳ cổ đông hay các cổ đông và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi mốt) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hòa giải trong vòng 8 (tám) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của hòa giải viên không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải.
4. Các chi phí của Tòa sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XXII
THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 100: Thông tin định kỳ

1. Ngân hàng An Bình thông tin định kỳ cho chủ tài khoản về những giao dịch và số dư trên tài khoản của họ tại Ngân hàng An Bình.
2. Ngân hàng An Bình được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động Ngân hàng An Bình và về khách hàng.
3. Ngân hàng An Bình có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho NHNN về tình hình hoạt động kinh doanh, nhân sự theo yêu cầu của NHNN và được NHNN cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động Ngân hàng An Bình của những khách hàng có quan hệ với Ngân hàng An Bình.

Điều 101: Nghĩa vụ bảo mật

1. Nhân viên của Ngân hàng An Bình và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật quốc gia và bí mật kinh doanh của Ngân hàng An Bình mà mình biết.
2. Ngân hàng An Bình phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại Ngân hàng An Bình.
3. Ngân hàng An Bình không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại Ngân hàng An Bình, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo qui định của Pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

CHƯƠNG XXIII
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 102: Ngày hiệu lực

Điều lệ này có hiệu lực kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ký ban hành.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG AN BÌNH
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

Đào Mạnh Kháng